

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên, bà Hồ Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S), địa chỉ trụ sở chính: A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là A T, phường H, Thành phố Hà Nội).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Người được ủy quyền lại:

Ông Nguyễn Thành T1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - chi nhánh A theo văn bản ủy quyền số 3875/2024/UQ.S ngày 01-4-2024.

Ông Lê Duy Q, ông Nguyễn Hồ K1, cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A T, phường L, tỉnh An Giang) theo văn bản ủy quyền số 87/2025/UQ.S ngày 24-4-2025.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Thế L, sinh năm 1984;

2.2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: căn hộ C, tầng B, cấp I, (theo TT03), Nhà ở xã hội - Khu dân cư B, phường L, tỉnh An Giang.

(Ông Nguyễn Hồ K1 có mặt; ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09-12-2021, ông Vũ Thế L, bà Lê Thị Thu K2 Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL với Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 374.000.000 đồng, mục đích vay: bù đắp mua bất động sản, thời hạn vay tính từ ngày 10-12-2021 đến ngày 10-12-2041, lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngân hàng đã giải ngân và ông L, bà T2 đã nhận nợ 374.000.000 đồng vào ngày 10-12-2021.

Để đảm bảo khoản vay, ông L, bà T2 thế chấp tài sản là: căn hộ chung cư S, tầng B, cấp I, (theo TT03) thuộc Nhà ở xã hội - Khu dân cư B tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, sổ vào sổ cấp GCN: CS09617 do Sở T3 cấp ngày 23-5-2017, ngày 09-7-2021 đã đăng ký chuyển nhượng cho ông L, bà T2 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L1, tỉnh An Giang, hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Quá trình vay, ông L, bà T2 đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 132.270.980 đồng (trả gốc 40.537.009 đồng, trả lãi 91.733.971 đồng); sau đó, ông L, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho S theo các quy định chung của Ngân hàng, S đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông L, bà T2 không thanh toán nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận.

Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Vũ Thế L và bà Lê Thị T2 trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 01-10-2024 là 361.928.677 đồng, trong đó: nợ gốc 333.462.991 đồng, nợ lãi trong hạn 27.148.756 đồng, nợ lãi quá hạn 1.316.930 đồng. Đồng thời, buộc ông L, bà T2 thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 kể từ ngày 02-10-2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông L, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 để xử lý thu hồi nợ cho S, tài sản là: căn hộ chung cư số B,

tầng B, cấp I, (theo TT03) thuộc Nhà ở xã hội - Khu dân cư B tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, số vào sổ cấp GCN: CS09617 do Sở T3 cấp ngày 23-5-2017, ngày 09-7-2021 đã đăng ký chuyển nhượng cho ông L, bà T2 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L1, tỉnh An Giang. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S thì ông L, bà T2 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021; Hợp đồng thế chấp nhà ở số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, số vào sổ cấp GCN: CS09617 do Sở T3 cấp ngày 23-5-2017 (tất cả đều là bản sao) cùng một số tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 trả ngay một lần số tiền tính đến ngày 12-9-2025 là 411.161.708 đồng, trong đó: nợ gốc là 333.462.991 đồng, nợ lãi trong hạn 68.213.744 đồng, nợ lãi quá hạn 9.484.973 đồng theo Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số: REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 đã ký kết. Đồng thời, buộc ông L, bà T2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13-9-2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông L, bà T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ nợ, yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo việc thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông L, bà T2 đối với S, nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông L, bà T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho S.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ

luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L, bà T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay từng lần số: REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ đã vay. Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Bị đơn không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích bù đắp mua bất động sản nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về xác lập, thực hiện hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 được ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 và Ngân hàng giao kết trên sơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 374.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản theo yêu cầu của ông L, bà T2. Ông L, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giao kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ vốn và yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng yêu cầu ông L, bà T2 cung cấp ý kiến, tài liệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông L, bà T2 không thực hiện, không đến Tòa án làm việc nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông L, bà T2 trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12-9-2025) là 411.161.708 đồng, trong đó: nợ gốc là 333.462.991 đồng, nợ lãi trong hạn 68.213.744 đồng, nợ lãi quá hạn 9.484.973 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông L, bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Về xác lập, thực hiện hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021, ông L, bà T2 đã xác lập Hợp đồng thế chấp nhà ở số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 để thế chấp tài sản cho Ngân hàng. Hợp đồng này được các bên tự nguyện xác lập, có chứng nhận của Văn phòng công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định căn hộ chung cư số B, tầng 2F, cấp I (theo TT03), nhà ở xã hội - Khu dân cư B, diện tích sử dụng 39,59m², hình thức sở hữu: sở hữu riêng gắn liền với thửa đất số 1234, tờ bản đồ số 5, tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, số vào sổ cấp GCN: CS09617 ngày 23-5-2017, ngày 09-7-2021 đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Vũ Thế L và bà Lê Thị T2 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh L1, tỉnh An Giang; căn hộ chung cư nêu trên hiện vẫn do ông L, bà T2 đang quản lý, sử dụng.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp nhà ở số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 các bên đã thỏa thuận:

“1. Bên thế chấp đồng ý thế chấp cho S căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, số vào sổ cấp GCN: CS 09617 do Sở T3 cấp ngày 23-5-2017. Ngày 09-7-2021 đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Vũ Thế L và bà Lê Thị T2 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh L1, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là “Tài sản thế chấp”) cụ thể như sau: loại nhà ở: Căn hộ chung cư S, tầng 2F, cấp I (theo TT03); tên nhà chung cư/tập thể: nhà ở xã hội - Khu dân cư B; diện tích sử dụng: 39,59m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng.

2. Tài sản thế chấp nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất sau: thửa đất số: 1234; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; diện tích: 3297m²; hình thức sử dụng: sử dụng chung; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: đến ngày 24-9-2064; nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; ghi chú: được miễn tiền sử dụng đất theo Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 24-9-2014 của UBND tỉnh A”.

Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án và thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), do nguyên đơn tạm ứng chi trả. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, ông L, bà T2 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nguyên đơn đã tạm ứng chi.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 299, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S) đối với ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 về việc trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

Buộc ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S) tổng số tiền 411.161.708 đồng (Bốn trăm mười một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng), trong đó: nợ gốc 333.462.991 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi một đồng), nợ lãi trong hạn 68.213.744 đồng (Sáu mươi tám triệu, hai trăm mười ba nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 9.484.973 đồng (Chín triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng) tính đến hết ngày 12-9-2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12-9-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021, các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S) có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134100342/HDTD/AG1-VTL ngày 09-12-2021 thì tài sản đã thế chấp là:

Căn hộ chung cư số 256, tầng 2F, cấp I (theo TT03), nhà ở xã hội - Khu dân cư B, diện tích sử dụng 39,59m², hình thức sở hữu: sở hữu riêng gắn liền với thửa đất số 1234, tờ bản đồ số 5, tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 984586, số vào sổ cấp GCN: CS09617 ngày 23-5-2017, ngày 09-7-2021 đã đăng ký chuyển nhượng cho ông Vũ Thế L và bà Lê Thị T2 tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh L1, tỉnh An Giang.

Được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 phải chịu chi phí tố tụng nên ông L, bà T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S) số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (S) được nhận lại 9.048.000 đồng (Chín triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002858 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Ông Vũ Thế L, bà Lê Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.446.468 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung